TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2019
V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trứ
Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Trong các ngày, 04 và ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70A/2019/QĐXX- ST ngày 14tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt)
Địa chỉ: thôn Đông Trước, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Văn P – sinh năm 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: thôn Đông Trước, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 06 năm 2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị T) trình bày: Sau thời gian tìm hiểu chị và anh P đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 14/10/2000 đến nay. Quá trình chung sống chị và anh P chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh P đánh chị nhiều lần. Chị đã nhiều lần bỏ qua , muốn vợ chồng cùng nói chuyện với nhau để có tiếng nói chung nhưng anh P vẫn không thay đổi. Mặc dù vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân 2 năm nay. Ngày 15/6/2019 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng chính thức ly thân từ 15/6/2019 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh P không còn. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa không công nhận vợ chồng giữa chị và anh P.

Về con chung: Chị xác định, quá trình chị và anh P chung sống với nhau vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị Ngân, sinh ngày 22/3/2002 và Đinh Đức Sơn,

sinh ngày 26/5/2004. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh P. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Ngân, anh P nuôi dưỡng con chung Đinh Đức Sơn. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất nông nghiệp: Chị xác định chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Văn P trình bày: Anh và chị T cưới nhau theo phong tục truyền thống năm 2000. Trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu, tuy nhiên do khi cưới chị T không đủ tuổi nên vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Đinh. Sau này vợ chồng chung sống với nhau cũng không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn. Anh và chị T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, khoảng gần 1 năm trở lại đây vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6/2019 đến nay. Khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ anh có lên đón chị T về nhưng chị T không về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6/2019 đến nay không còn quan tâm, Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T vẫn còn muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng do chị T kiên quyết ly hôn nên anh cũng đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị T.

Về con chung: anh xác định anh và chị T chung sống với nhau có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Ly hôn anh và chị T thỏa thuận để chị T nuôi dưỡng con chung Đinh Thị Ngân, sinh ngày 22/3/2002 còn anh nuôi dưỡng con chung Đinh Đức Sơn, sinh ngày 26/5/2004, không bên nào phải đóng góp nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, tài sản riềng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất nông nghiệp: anh xác định anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đôi với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000, Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn P;

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Thị Ngân, sinh ngày 22/3/2002, anh Đinh Văn P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Đức Sơn, sinh ngày 26/5/2004. Chị T, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng cho nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn P được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy đinh của

pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2019 của chị T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Anh P và chị T được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống từ năm 2000.Trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu và không tiến hành đăng lý kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 04 tháng 11 năm 2019, anh Đinh Văn P có khai vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng phía chị P sai họ tên nên anh vẫn giữ trong két của gia đình sẽ cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, HĐXX đã ngừng phiên tòa để anh P có thời gian cung cấp giấy đăng ký kết hôn và phiên tòa sẽ tiếp tục xét xử vào ngày 22/11/2019.

Đến ngày 22/01/2019, anh P không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với lý do việc quản lý giấy tờ của gia đình đã bị thất lạc. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Mai Đình thì được biết anh P và chị T không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, bản thân chị T có khai chưa bao giờ tiến hành đăng ký kết hôn với anh P việc này đã được UBND xã Mai Đình xác nhận nên việc anh P không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thì càng khẳng định anh P và chị T đã không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình là có căn cứ. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh P và anh P cũng đồng ý ly hôn, HĐXX áp dụng Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTO, ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để không công nhận vợ chồng đối với chị T và anh P là có căn cứ. Tại phiên tòa ngày 04 tháng 11 năm 2019, anh Đinh Văn P có khai vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng phía chị P sai họ tên nên anh vẫn giữ trong két của gia đình sẽ cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, HĐXX đã ngừng phiên tòa để anh

[3]. *Về con chung:* Chị T và anh P đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thị Ngân, sinh ngày 22/3/2002 và cháu Đinh Đức Sơn, sinh ngày 26/5/2004. Ly hôn, chị T và anh P cùng thỏa thuận và đề nghị Tòa án giao cháu Đinh Thị Ngân cho chị T nuôi dưỡng và anh P nuôi dưỡng cháu Đinh Đức Sơn và không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Sự thỏa thuận này hoàn tòa phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân và cháu Sơn nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này của chị T và anh P là có căn cứ.

[5]. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* chị T, anh P đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật,xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, 246 của Bộ luật tố tụng dân; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000, Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn P là vợ chồng;

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Thị Ngân, sinh ngày 22/3/2002, anh Đinh Văn P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Đức Sơn, sinh ngày 26/5/2004. Chị T, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng cho nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn P được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000350 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Công Chứ – Bùi Thế Hanh	**Hoàng Thị Hương Lan**